

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG VN)

[Việt Nam / Bán lẻ]

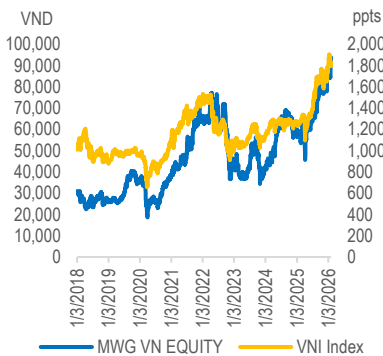
Bloomberg Ticker (MWG VN) | Reuters Ticker (MWG.HM)

MUA

Báo Cáo Cập Nhật

Giá mục tiêu (12 tháng) **105,900 VND**
 Giá hiện tại (11/02/2026) **91,900 VND**
Suất sinh lời (%) **15.2%**

VNIINDEX	1,754		
HNXINDEX	256		
Vốn hóa (tỷ VND)	132,026		
SLCP đang lưu hành (triệu)	1,468		
SLCP tự do giao dịch (triệu)	1,223		
Tỷ lệ tự do giao dịch (%)	82.7		
52 tuần cao/thấp (VND)	94,400/45,750		
KLGD bình quân 90 ngày (triệu CP)	74		
GTGD bình quân 90 ngày (tỷ VND)	585		
Beta (12T)	1.1		
Công ty TNHH MTV Tư Vấn đầu tư Thế giới Bán lẻ	10.49		
Nhóm quỹ Dragon Capital	5.0		
Biến động giá	3T 6T 12T		
Tuyệt đối (%)	16.7	24.0	51.6
Tg đối với VN-Index (%)	6.8	13.1	13.7



Nguồn: Bloomberg

Nguyễn Phương Thảo – Chuyên viên phân tích

☎ (84-28) 6299-8004
 ✉ thao.np@shinhan.com



Quét mã QR hoặc click để theo dõi

Nâng cao hiệu quả chuỗi hiện hữu

Cập nhật khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 105,900 đồng

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (HSX: MWG) là doanh nghiệp bán lẻ đầu ngành ở Việt Nam, có hệ sinh thái đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. MWG duy trì vị thế là nhà bán lẻ điện thoại di động, điện máy số 1 Việt Nam (chiếm hơn 50% toàn thị trường); là nhà bán lẻ hàng tiêu dùng, có chuỗi cửa hàng bách hóa đạt doanh số lớn nhất toàn quốc.

Năm 2025, MWG ghi nhận doanh thu hơn 156 nghìn tỷ đồng (+16% YoY), nhờ sự tăng trưởng đồng đều của chuỗi cửa hàng. Chúng tôi kỳ vọng kết quả kinh doanh trong năm 2026 sẽ tiếp tục duy trì ở mức tốt, nhờ: (1) Bách hóa Xanh tối ưu lợi nhuận; (2) mảng ICT cải thiện, nhờ chiến lược cá nhân hóa trải nghiệm, tích hợp dịch vụ trọn đời sản phẩm và (3) các chuỗi khác cũng ghi nhận sự cải thiện rõ nét trong hoạt động. Dựa trên phương pháp FCF và PS, chúng tôi cập nhật giá mục tiêu hiện tại ở mức 105,900 đồng, khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu MWG.

Thế giới di động & Điện máy xanh – Cải thiện doanh thu trên mỗi cửa hàng

MWG ghi nhận doanh thu mảng này trong năm 2025 đạt 105 nghìn tỷ đồng (+18% YoY), tăng trưởng này đến từ việc tối ưu hiệu quả hoạt động, đẩy mạnh mảng online và chiến lược tích hợp dịch vụ. Mảng ICT ghi nhận mức tăng trưởng tốt trong quý 4/2025 nhờ ngành hàng iPhone và mùa mua sắm cuối năm.

Năm 2026, Điện máy xanh vẫn đóng vai trò trụ cột quan trọng (đóng góp 65% doanh thu), MWG đặt mục tiêu tăng trưởng 15% về doanh thu và 20% lợi nhuận so với 2025, với chiến lược trọng tâm tăng trưởng tập trung vào chất lượng sản phẩm và cung cấp dịch vụ trọn đời sản phẩm.

Bách Hóa Xanh – Tiếp tục mở rộng

Doanh thu BHX năm 2025 đạt 46.9 ngàn tỷ đồng (+14% YoY), mức tăng trưởng đến từ cả hai nhóm ngành hàng chính là thực phẩm tươi sống và FMCG. Về mở rộng mạng lưới, MWG đã tăng tốc mở thêm 789 cửa hàng - trong đó, hơn 50% tập trung tại khu vực miền Trung. Các cửa hàng mới đều ghi nhận tổng lợi nhuận hoạt động kinh doanh dương ở cấp độ cửa hàng. Đồng thời, việc khai trương các cửa hàng đầu tiên tại miền Bắc từ tháng 11/2025 là bước ngoặt quan trọng trong lộ trình mở rộng quy mô của BHX.

Năm 2026, BHX dự kiến duy trì tăng trưởng doanh thu trên 20% và mở thêm khoảng 1,000 cửa hàng tại nơi hiện hữu và các tỉnh thành mới. Chúng tôi đánh giá BHX sẽ tăng trưởng doanh thu mạnh mẽ thông qua (1) Mở rộng và nâng cao chất lượng từng điểm bán cũ, (2) Kiểm soát chi phí vận hành, giảm tỷ lệ hủy hàng, giảm chi phí logistics và (3) Xu hướng người tiêu dùng ngày càng ưu tiên thực phẩm an toàn và rõ nguồn gốc sẽ là động lực chính để các chợ truyền thống nhường chỗ cho mô hình bán lẻ hiện đại.

Các chuỗi khác cũng ghi nhận tăng trưởng tích cực

Năm 2025, chuỗi nhà thuốc An Khang cũng ghi nhận chuyển biến tích cực với doanh thu trung bình trên cửa hàng là 550 triệu đồng/tháng (+17% YoY). Chuỗi AvaKids đạt doanh thu gần 1,400 tỷ đồng (+16% YoY), nhờ chiến lược tập trung vào mảng trực tuyến đối với các sản phẩm mẹ và bé, phù hợp với xu hướng tiêu dùng đang thay đổi.

Rủi ro: (1) Rủi ro cạnh tranh; (2) Rủi ro lực cầu tiêu dùng yếu; (3) Rủi ro đa dạng hóa các mảng kinh doanh; (4) Rủi ro giảm giá hàng tồn kho.

Năm	2022	2023	2024	2025	2026F
Doanh thu (tỷ VND)	133,405	118,280	134,341	156,458	185,564
LN từ HĐKD (tỷ VND)	6,575	1,047	5,227	8,667	11,257
Lợi nhuận ròng (tỷ VND)	4,102	168	3,733	7,076	8,981
EPS (VND)	2,810	115	2,546	4,788	6,099
BPS (VND)	16,321	15,944	19,921	22,184	28,295
OPM (%)	4.9	0.9	3.9	5.5	6.1
NPM (%)	3.1	0.1	2.8	4.5	4.8
ROE (%)	18.5	0.7	14.5	21.3	21.4
PER (x)	29.8	729.2	33.1	19.3	15.2
PBR (x)	5.1	5.2	4.4	4.2	3.3
EV/EBITDA (x)	10.6	28.6	20.7	15.7	12.0

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. does and seeks to do business with companies covered in its research reports. As a result, investors should be aware that the firm may have a conflict of interest that could affect the objectivity of this report. Investors should consider this report as only a single factor in making their investment decision. Analysts employed by Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd., or a non-US affiliate thereof, are not registered/qualified as research analysts with FINRA, may not be associated persons of the member and may not be subject to FINRA restrictions on communications with a subject company, public appearances and trading securities held by a research analyst account. For analyst certification and important disclosures, refer to the Compliance & Disclosure Notice at the end of this report.

Định giá và khuyến nghị

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 105,900 đồng

Chúng tôi sử dụng phương pháp định giá FCFF và PS, với tỷ trọng lần lượt là 30% và 70% để định giá mã cổ phiếu MWG. Chúng tôi cập nhật và đưa ra khuyến nghị **MUA** với giá mục tiêu đạt 105,900 đồng.

Chi phí sử dụng vốn bình quân (WACC)

WACC (%)	11.3
Lãi suất phi rủi ro (%)	4.3
Phần bù rủi ro vốn cổ phần (%)	8.13
Beta	1.1
Chi phí nợ (%)	3.5
Chi phí sử dụng vốn (%)	13.4
Tỷ lệ nợ trên vốn	0.32
Giá trị nợ vay (tỷ VND)	29,930

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Mô hình định giá FCFF

Đơn vị: tỷ VND	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F
NPAT-Mi	8,963	9,830	11,161	12,638	13,955
Cộng: Lãi vay sau thuế	1,265	1,336	1,449	1,600	1,778
Cộng: Các chi phí không bằng tiền	1,570	1,653	1,733	1,605	1,657
Trừ: Thay đổi vốn lưu động	2,804	2,181	2,527	2,477	3,391
Trừ: Vốn đầu tư	942	992	867	642	663
Dòng tiền tự do (FCFF)	8,052	9,647	10,951	12,724	13,336
Giá trị hiện tại của dòng tiền tự do	39,115				
Tốc độ tăng trưởng dài hạn	2.0%				
Giá trị hiện tại của giá trị dài hạn	84,568				
Giá trị doanh nghiệp	123,682				
Trừ: Nợ vay	29,930				
Cộng: Số dư tiền	38,873				
Giá trị vốn chủ sở hữu	132,625				
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tỷ cp)	1.468				
Giá mục tiêu (VND/cổ phiếu)	90,344				

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Đối với phương pháp PS, chúng tôi thu thập dữ liệu từ các doanh nghiệp cùng ngành nghề và có quy mô tương đồng với MWG, hoạt động trong nước và khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Phương pháp PS: PS forward ở mức 0.9x, thể hiện sự tích cực cho triển vọng của mảng bách hóa xanh trong thời gian sắp tới. Dự phóng doanh thu trên mỗi cổ phiếu ở mức 125,298 đồng/cp - tương ứng giá mục tiêu 12 tháng MWG ở mức 112,767 đồng.

Tóm tắt mô hình định giá PS

Phương pháp	Tỷ suất hiện tại của MWG	Tỷ suất trung bình 3 năm quá khứ của MWG	Trung bình các DN trong ngành	Tỷ suất dự phóng áp dụng	Giá mục tiêu (đồng)
PS	0.8x	0.7x	0.66x	0.9x	112,767

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

So sánh các doanh nghiệp trong ngành

Ngành	Tên công ty	Quốc gia	PS	Vốn hóa (triệu USD)	Tăng trưởng doanh thu (%)	Tăng trưởng EPS TTM (%)	ROA (%)	ROE (%)
Bán lẻ ICT, thời trang, bách hóa	Mobile World	Việt Nam	0.8	5.0	16.5	89.5	8.4	21.3
Bán lẻ ICT, thời trang	Mitra Adiperkasa	Indonesia	0.6	1.1	13.5	-6.5	6.2	16.2
Bán lẻ ICT	Com7 PCL	Thái Lan	0.7	1.8	13.6	16.8	13.4	39.3
	FPT Digital Retail	Việt Nam	0.5	1.05	27.3	154.3	4.0	26.1
Phân phối ICT	Digiworld	Việt Nam	0.4	0.4	20.6	22.1	5.5	17.1
Bán lẻ bách hóa	Sumber Alfaria Trijaya	Indonesia	0.8	4.7	10.5	-7.5	8.6	20.4
	President Chain Store Corp.	Taiwan	0.8	7.3	6.5	8.6	4.3	28.8
Trung bình			0.66x					

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Tổng quan doanh nghiệp

1. Lịch sử hình thành và phát triển

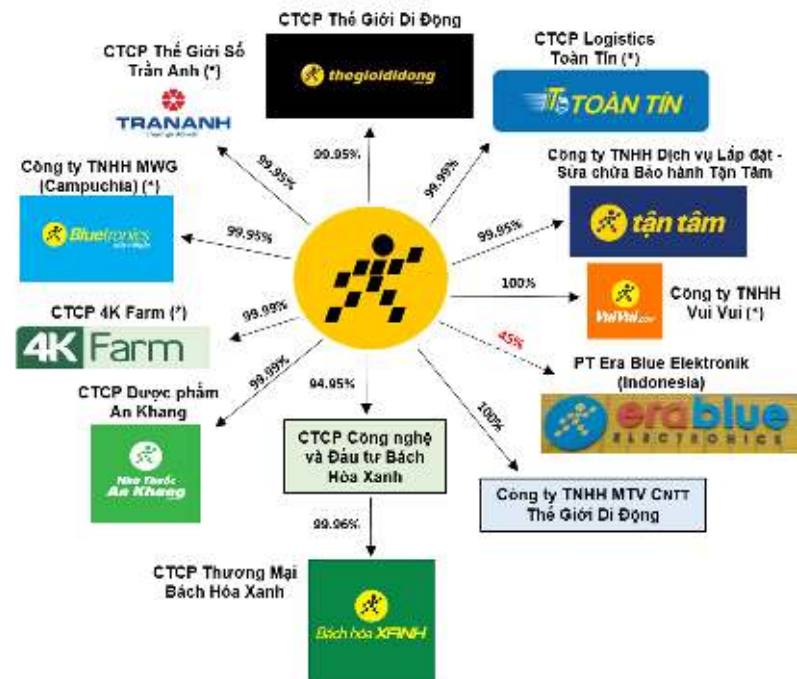
CTCP Đầu tư Thế giới Di Động (HSX: MWG) được thành lập từ năm 2004, có trụ sở chính ở TP. Hồ Chí Minh và chính thức niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh vào năm 2014. Từ mô hình thương mại điện tử sơ khai với một website giới thiệu thông tin sản phẩm, đến nay MWG đã trở thành một trong những công ty bán lẻ B2C đầu ngành ở Việt Nam, có hệ sinh thái bán lẻ đa dạng, đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng.

Với chiến lược bán lẻ Omni-channel, MWG tận dụng thế mạnh về công nghệ, đơn giản hóa trải nghiệm mua sắm online và tăng sự gắn bó của khách hàng với các thương hiệu của tập đoàn. Về doanh thu và tổng tài sản, năm 2024, Mobile World xếp vị trí dẫn đầu trong các công ty bán lẻ, thứ 3 trong top 10 DN tư nhân lớn nhất, và thứ 9 trong top 10 DN lớn nhất Việt Nam.

2. Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 01/01/2025, MWG có 5 công ty con ở Việt Nam và 1 công ty liên doanh liên kết tại Indonesia (EraBlue).

Hệ sinh thái MWG



(*): Nguồn báo cáo. Công ty đang trong quá trình tìm kiếm tài trợ giải thế

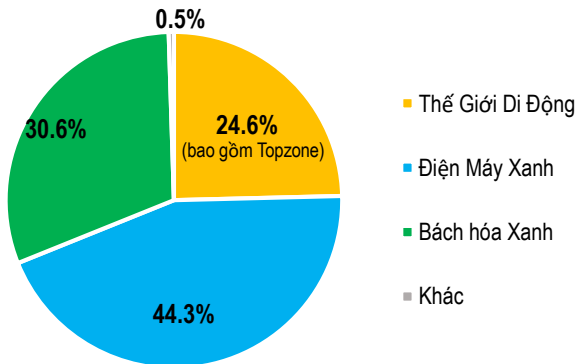
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Năm 2025, MWG đang sở hữu tổng cộng cửa hàng bán lẻ trong và ngoài nước, bao gồm: 1,012 cửa hàng Thế Giới Di Động (bao gồm Topzone); 2,008 cửa hàng Điện Máy Xanh; 2,559 cửa hàng Bách Hóa Xanh; 382 nhà thuốc An Khang; 83 cửa hàng AVAKids; 181 cửa hàng EraBlue.

3. Cơ cấu doanh thu

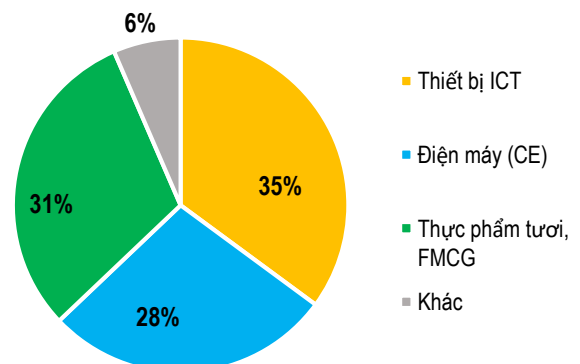
Các chuỗi bán lẻ đóng góp chính vào doanh thu của MWG: Thế Giới Di Động (TGDD) và Điện máy Xanh (DMX), Bách Hóa Xanh (BHX).

Cơ cấu doanh thu 2025 của MWG theo chuỗi



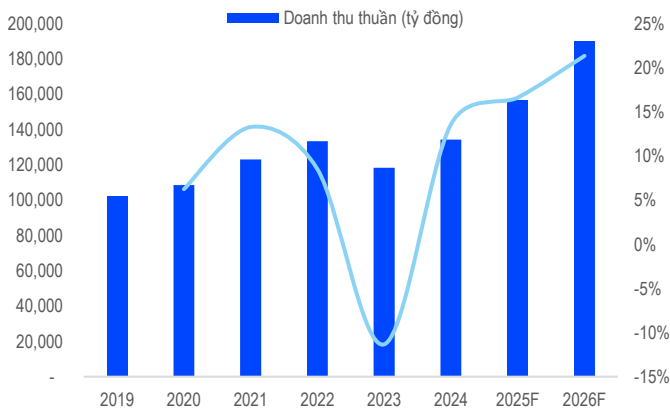
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Cơ cấu doanh thu 2025 của MWG theo ngành hàng



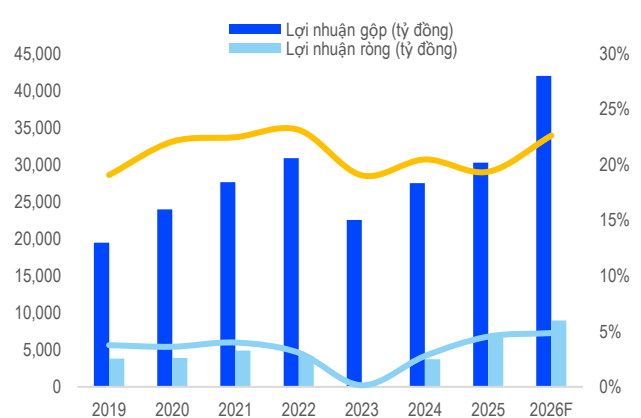
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Doanh thu thuần hợp nhất của MWG (tỷ đồng)



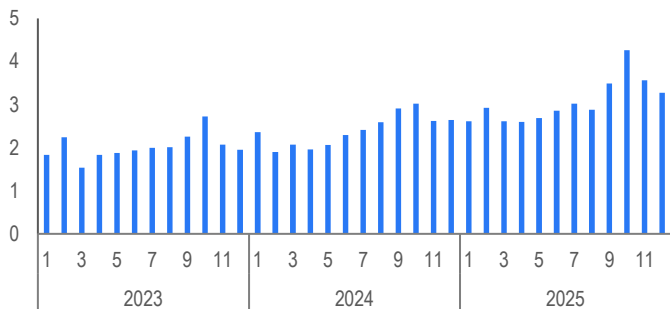
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Lợi nhuận gộp và ròng của MWG (tỷ đồng)



Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

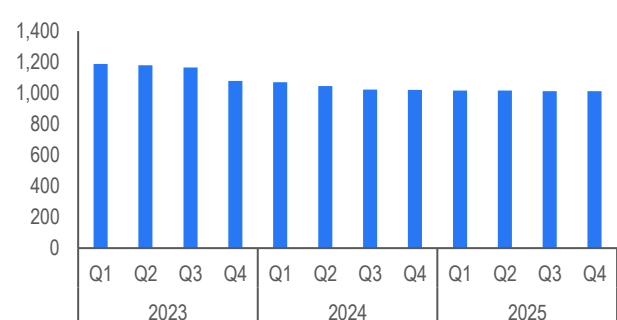
Doanh thu bình quân mỗi tháng mỗi cửa hàng ICT (tỷ đồng)



Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

(*) bao gồm chuỗi TGDD, Topzone

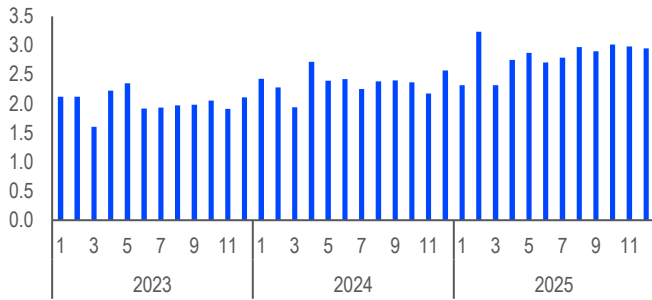
Cập nhật số lượng cửa hàng ICT* theo quý



Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

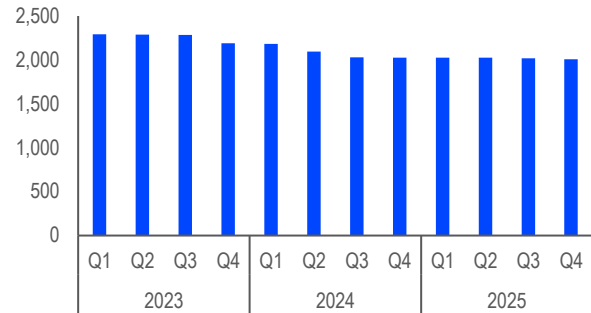
(*) bao gồm chuỗi TGDD, Topzone

Doanh thu bình quân mỗi cửa hàng ĐMX/tháng (tỷ đồng)



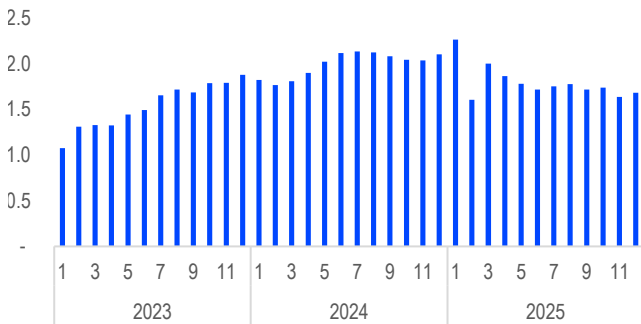
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Cập nhật số lượng cửa hàng ĐMX theo quý



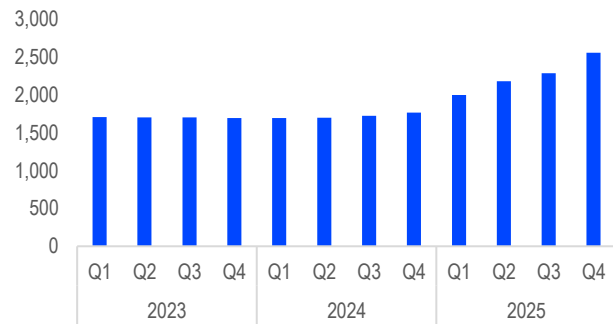
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Doanh thu bình quân mỗi tháng của mỗi cửa hàng BHX (tỷ đồng)



Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Số lượng cửa hàng BHX theo quý

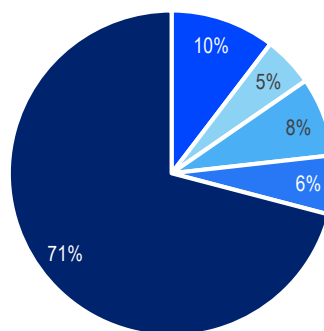


Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

4. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông hiện tại của MWG thay đổi nhiều so với giai đoạn trước, khi cổ đông nội bộ và các quỹ lớn đã giảm sở hữu đáng kể. Công ty TNHH MTV Tư vấn đầu tư Thế giới Bán Lẻ - công ty do ông Nguyễn Đức Tài (chủ tịch HĐQT) sở hữu vẫn là cổ đông lớn nhất với tỷ lệ nắm giữ 10.5%.

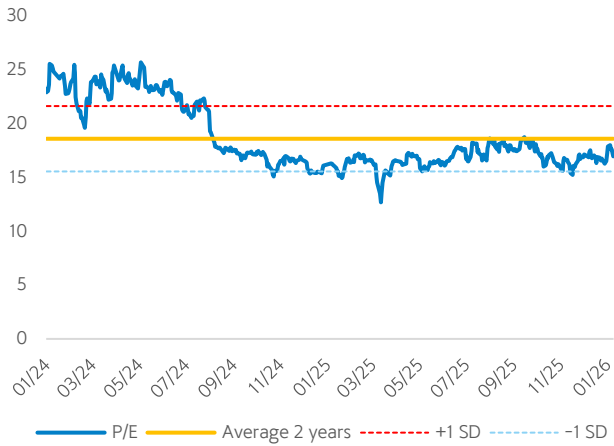
Cơ cấu cổ đông của MWG (tại ngày 10/02/2026)



- Công ty TNHH MTV Tư vấn đầu tư Thế giới bán lẻ
- Nhóm quỹ Dragon Capital
- Công ty TNHH Tri Tâm
- Airsaig Asia Fund
- Khác

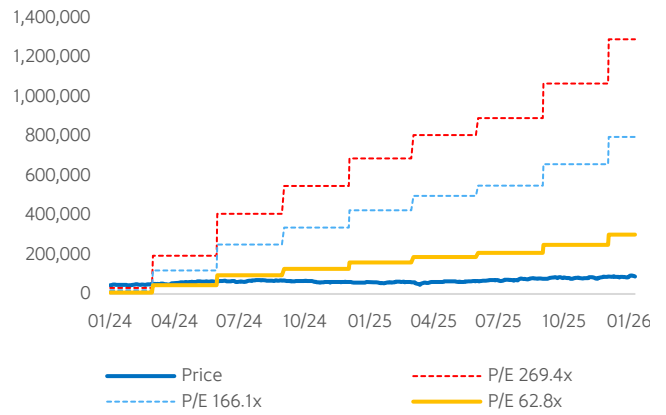
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

PER của MWG



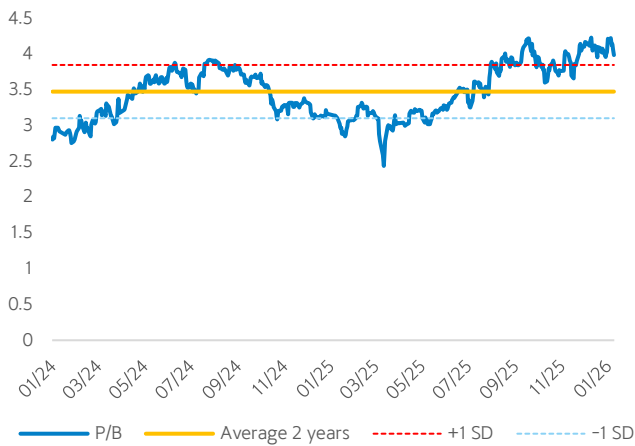
Nguồn: FinnPro, Shinhan Securities Vietnam

Biểu đồ PER của MWG



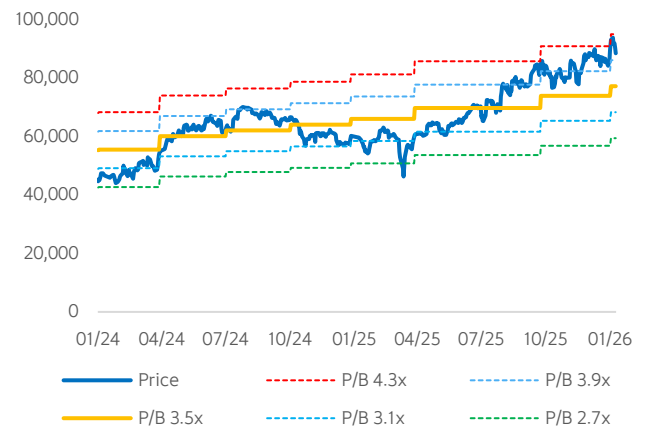
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

PBR của MWG



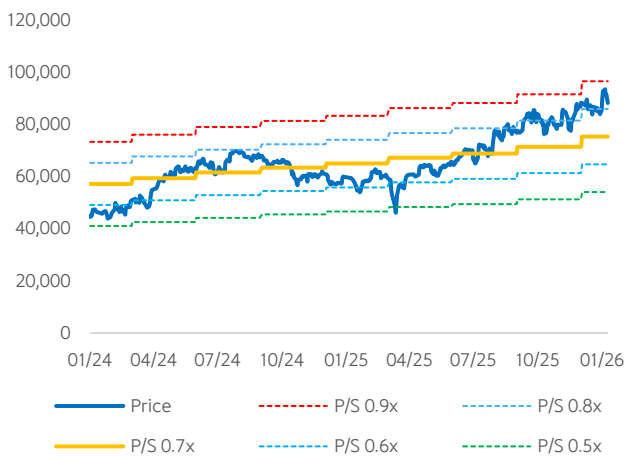
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Biểu đồ PBR của MWG



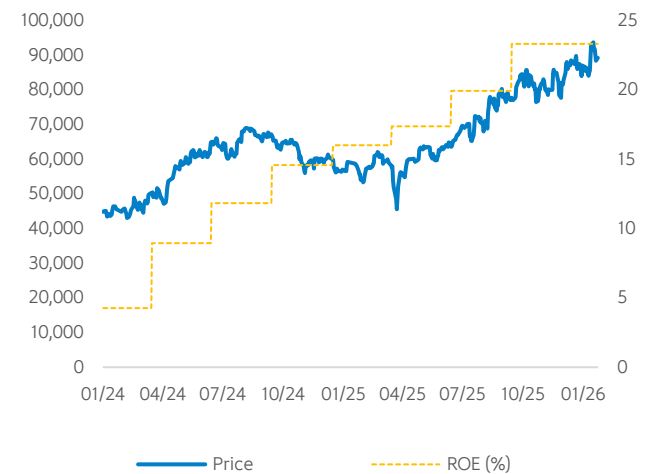
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Biểu đồ PSR của MWG



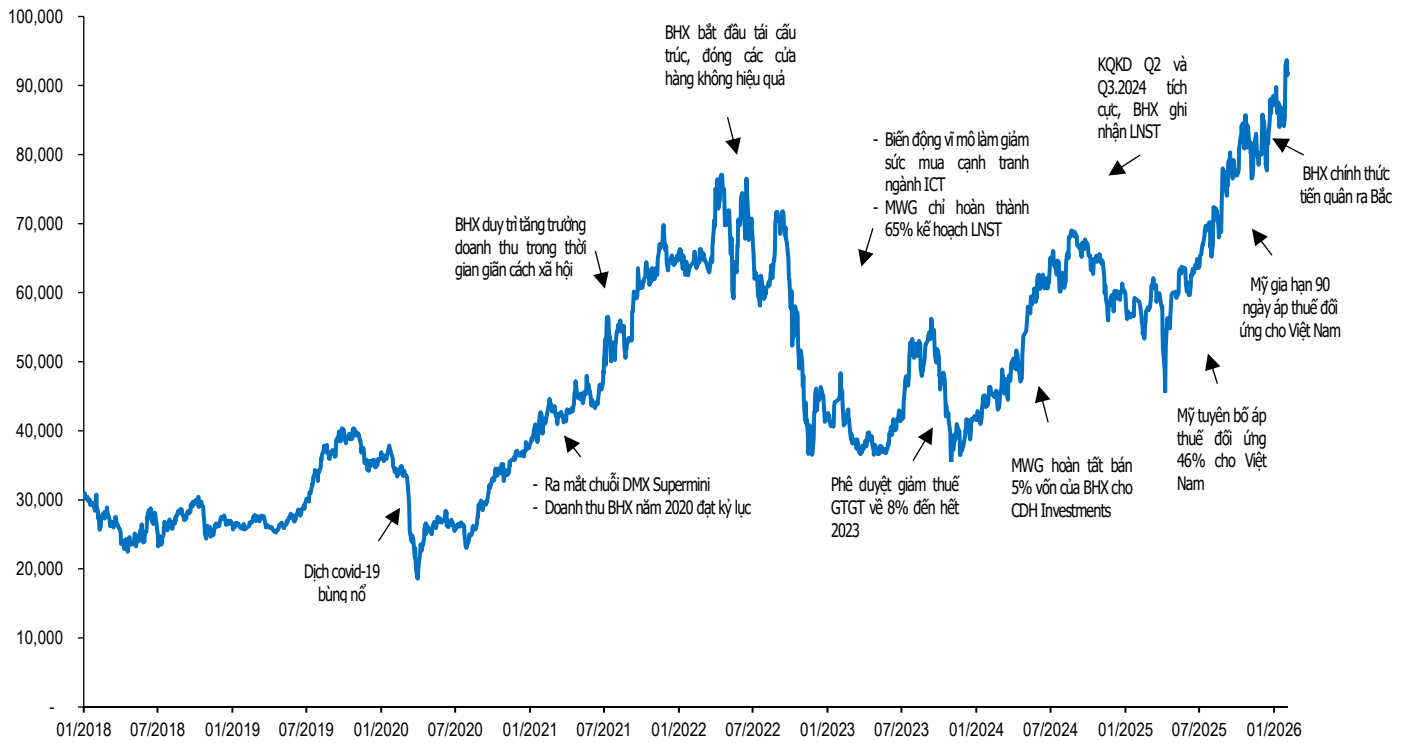
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Tương quan giá cổ phiếu và ROE



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Sự kiện quan trọng của MWG



Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Phụ lục: Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán

Năm (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F	2027F
Tổng tài sản	60,111	70,219	83,959	97,465	111,675
Tài sản ngắn hạn	51,950	65,774	77,215	83,895	91,620
Tiền và tương đương tiền	5,366	5,697	5,000	6,026	7,042
Đầu tư TC ngắn hạn	18,937	28,524	33,874	33,874	35,874
Các khoản phải thu	5,159	8,764	10,153	12,042	13,410
Hàng tồn kho	21,824	22,245	27,267	31,032	34,374
Tài sản dài hạn	8,161	4,445	6,744	6,407	5,636
Tài sản cố định	6,500	3,587	2,598	2,261	1,491
Chi phí xây dựng cơ bản	4	25	91	91	91
Tài sản dài hạn khác	1,656	833	4,055	4,055	4,055
Tổng nợ	36,752	42,097	50,780	55,287	59,628
Nợ ngắn hạn	30,765	42,097	42,097	50,780	55,287
Khoản phải trả	7,927	9,138	13,124	14,936	16,544
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19,129	27,300	29,931	31,589	33,400
Khác	3,710	5,659	7,725	8,763	9,684
Nợ dài hạn	5,986	0	0	0	0
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	5,985	0	0	0	0
Khác	1	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	23,360	28,122	33,179	42,178	52,048
Vốn góp chủ sở hữu	14,634	14,622	14,697	14,697	14,697
Thặng dư vốn	558	558	-153	-153	-153
Vốn khác	-6	-5	-12	-12	-12
Lợi nhuận giữ lại	8,160	12,582	18,072	27,053	36,903
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	13	364	576	593	613
*Nợ vay	25,114	27,300	29,931	31,589	33,400
*Nợ ròng (tiền)	811	-6,922	-8,943	-8,311	-9,516

Lưu chuyển tiền tệ

Năm (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F	2027F
Tiền từ HĐKD	3,436	8,517	6,097	7,529	8,603
Lợi nhuận trước thuế	168	3,722	7,037	8,963	9,830
Khấu hao	3,351	2,913	1,891	1,570	1,653
(Lãi) lỗ từ HĐ đầu tư	1,835	3,224	-300	-2,804	-2,181
Thay đổi vốn lưu động	-1,918	-1,342	-2,530	-200	-700
Thay đổi khác	-1,918	-1,342	-2,530	-200	-700
Tiền từ HĐ đầu tư	-10,831	-10,943	-6,662	-7,444	-8,683
Thay đổi tài sản cố định	-492	-249	-869	-942	-992
Thay đổi tài sản đầu tư	-10,339	-10,694	-5,793	-6,502	-7,691
Khác	0	0	0	0	0
Tiền từ HĐ tài chính	7,700	2,757	667	941	1,096
Thay đổi vốn cổ phần	-9	1,762	-532	18	20
Tiền đi vay/(trả) nợ ròng	8,440	1,726	2,678	1,658	1,811
Cổ tức đã trả	-731	-731	-1,478	-735	-735
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	304	332	103	1,026	1,016
Tổng tiền đầu năm	5,061	5,366	5,697	5,000	6,026
Thay đổi trong kỳ giá					
Tổng tiền cuối năm	5,366	5,697	5,000	6,026	7,042

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F	2027F
Doanh thu thuần	118,280	134,341	156,458	185,564	206,650
Tăng trưởng		13.6%	16.5%	18.6%	11.4%
Giá vốn hàng bán	95,759	106,842	126,164	143,586	159,048
Lợi nhuận gộp	22,521	27,499	30,294	41,979	47,602
Biên lợi nhuận gộp	19.0%	20.5%	19.4%	22.6%	23.0%
Chi phí BH & QLDN	22,084	23,416	23,215	32,325	36,942
LN từ HĐKD	1,047	5,227	8,667	11,257	12,343
Tăng trưởng		399.2%	65.8%	29.9%	9.6%
Biên LN từ HĐKD	0.9%	3.9%	5.5%	6.1%	6.0%
LN khác	611	1,188	1,565	1,577	1,654
Thu nhập tài chính	2,167	2,377	3,107	3,230	3,395
Chi phí tài chính	1,556	1,188	1,543	1,653	1,742
Trong đó: Chi phí lãi vay	1,448	1,137	1,471	1,581	1,670
Lợi nhuận ròng từ HĐKD khác	-357	-401	-31	-31	-31
LNTT	690	4,826	8,636	11,226	12,312
Thuế TNDN	522	1,092	1,561	2,245	2,462
LNST	168	3,733	7,076	8,981	9,850
Tăng trưởng		2124.5%	89.5%	26.9%	9.7%
Biên lợi nhuận ròng	0.1%	2.8%	4.5%	4.8%	4.8%
LNST cổ đông công ty mẹ	168	168	3,722	7,037	8,963
Lợi ích CĐTTS	0	11	39	18	20
LN trước thuế và lãi vay	436	4,084	7,078	9,654	10,660
Tăng trưởng		836.1%	73.3%	36.4%	10.4%
Biên LN	0.4%	3.0%	4.5%	5.2%	5.2%
LN trước thuế, lãi vay và khấu hao	3,788	5,626	8,596	11,224	12,313
Tăng trưởng		48.5%	52.8%	30.6%	9.7%
Biên LN	3.2%	4.2%	5.5%	6.0%	6.0%

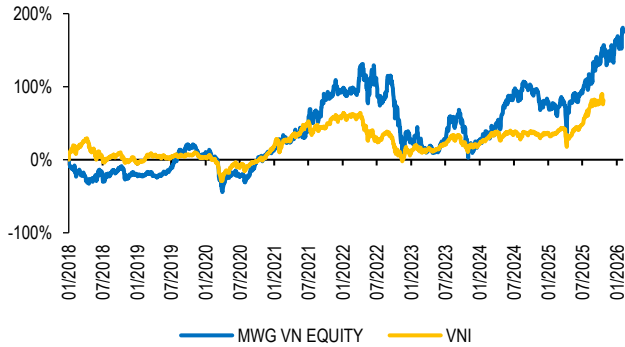
Các chỉ số chính

Năm	2023	2024	2025	2026F	2027F
EPS (đồng)	115	2,546	4,788	6,099	6,688
BVPS (đồng)	15,944	19,216	22,184	28,295	34,997
DPS (đồng)	500	500	1,000	500	500
PER (x)	788.5	35.5	18.9	14.8	13.5
PBR (x)	5.7	4.8	4.1	3.2	2.6
EV/EBITDA (x)	36.0	24.2	15.9	12.1	11.1
Tỷ lệ chi trả cổ tức	436%	20%	21%	8%	7%
Lãi cổ tức	0.9%	0.9%	1.7%	0.9%	0.9%
Khả năng sinh lời					
Biên EBITDA	3.2%	4.2%	5.5%	6.0%	6.0%
Biên LN từ HĐKD	0.9%	3.9%	5.5%	6.1%	6.0%
Biên LNST	0.1%	2.8%	4.5%	4.8%	4.8%
ROA	0.3%	5.3%	8.4%	9.2%	8.8%
ROE	0.7%	13.3%	21.3%	21.3%	18.9%
Khả năng tài chính					
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	107.5%	97.1%	90.2%	74.9%	64.2%
Tỷ số thanh toán tiền mặt	17.4%	13.5%	9.8%	10.9%	11.8%
Khả năng thanh toán lãi vay (x)	0.3	3.6	4.8	6.1	6.4
Hiệu quả hoạt động					
Số ngày vốn lưu động (ngày)	47	45	43	43	43
Số ngày hàng tồn kho (ngày)	90	75	79	79	79
Số ngày khoản phải thu (ngày)	1	1	1	1	1

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

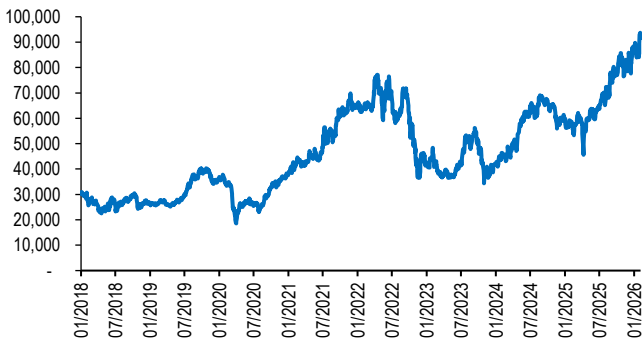
CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG VN)

Diễn biến giá



Ngày	Khuyến nghị	Giá mục tiêu (VND)	Khoảng giá MT (%)	
			TB	Max/Min
26/04/2023 (BC lần đầu)	MUA	51,900	-4.6	-33.7/39.0
18/08/2023 (BC cập nhật)	GIỮ	50,150	6.2	-31.7/34.3
07/11/2023 (BC cập nhật)	MUA	50,400	13.9	-12.3/43.6
20/02/2024 (BC cập nhật)	GIỮ	50,150	13.9	-12.8/42.9
22/04/2024 (BC cập nhật)	GIỮ	50,000	10.0	-13.0/42.5
24/06/2024 (BC cập nhật)	GIỮ	65,000	33.4	2.4/86.7
11/11/2024 (BC cập nhật)	GIỮ	71,000	28.0	1.4/91.9
27/02/2025 (BC cập nhật)	MUA	70,400	29.3	-2.9/102.2
12/02/2026 (BC cập nhật)	MUA	105,900	44.9	7.6/122.0

Giá mục tiêu



Lưu ý: Tính toán chênh lệch giá mục tiêu dựa trên 12 tháng qua

Shinhan Securities Vietnam

Cổ phiếu

- ♦ **MUA:** Khả năng sinh lời trong 12 tháng từ 15% trở lên
- ♦ **GIỮ:** Khả năng sinh lời trong 12 tháng từ -15% đến 15%
- ♦ **BÁN:** Khả năng sinh lời trong 12 tháng thấp hơn -15%

Ngành

- ♦ **TÍCH CỰC:** Cổ phiếu được theo dõi có vốn hóa lớn nhất trong ngành được khuyến nghị MUA
- ♦ **TRUNG LẬP:** Cổ phiếu được theo dõi có vốn hóa lớn nhất trong ngành được khuyến nghị GIỮ
- ♦ **TIÊU CỰC:** Cổ phiếu được theo dõi có vốn hóa lớn nhất trong ngành được khuyến nghị BÁN

Compliance & Disclosure Notice

Analyst Certification

- ◆ The following analysts hereby certify that their views about the companies and securities discussed in this report are accurately expressed and that they have not received and will not receive direct or indirect compensation in exchange for expressing specific recommendations or views in this report: Thao Nguyen

Important Disclosures & Disclaimers

- ◆ As of the date of publication, Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. does not beneficially own 1% or more of any class of common equity securities of the following companies mentioned in this report: MWG VN
- ◆ Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. or one of its affiliates, and/or their respective officers, directors, or employees may have interests, or long or short positions, and may at any time make purchases or sales as a principal or agent of the securities of the companies mentioned in this report.
- ◆ As of the date of publication, research analysts responsible for this report and members of their households do not have any financial interest in the debt or equity securities of the companies mentioned in this report.
- ◆ Research analysts responsible for this report receive compensation based upon, among other factors, the overall profitability of Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. including profits derived from investment banking. The analysts responsible for this report may also receive compensation based upon, among other factors, the overall profitability of sales and trading businesses relating to the class of securities or financial instruments for which such analysts are responsible.
- ◆ All opinions and estimates regarding the companies and their securities are accurate representations of the research analysts' judgments and may differ from actual results.
- ◆ This report is intended to provide information to assist investment decisions only and should not be used or construed as an offer or a solicitation of an offer to buy or sell any securities. The information herein has been obtained from sources deemed reliable, but such information has not been independently verified and no guarantee, representation, or warranty, expressed or implied, is made as to its accuracy, completeness, or correctness. Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. makes the best effort but does not guarantee the accuracy, completeness, or correctness of information and opinions translated into English from original Vietnamese language materials. Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. accepts no liability whatsoever for any direct, indirect, and/or consequential loss arising from any use of this material or its contents. Stock selection and final investment decisions should be made at the investor's own and sole discretion.
- ◆ This report is distributed to our customers only, and any unauthorized use, duplication, or redistribution of this report is strictly prohibited.
- ◆ Investing in any Vietnamese securities or related financial instruments discussed in this research report may present certain risks. The securities of Vietnamese issuers may not be registered with, or be subject to the regulations of, the US Securities and Exchange Commission. Information on Vietnamese securities or related financial instruments may be limited. Foreign companies may not be subject to audit and reporting standards and regulatory requirements comparable to those in effect within the US. The value of any investment or income from any securities or related financial instruments discussed in this research report denominated in currencies other than the Vietnamese won is subject to exchange rate fluctuations that may have a positive or adverse effect on the value of or income from such securities or related financial instruments.

Distribution

- ◆ United States: This report is distributed in the US by Shinhan Investment America, Inc., a member of FINRA/SIPC, and is only intended for major US institutional investors as defined in Rule 15a-6(a)(2) of the US Securities Exchange Act of 1934. All US persons that receive this document by their acceptance thereof represent and warrant that they are major US institutional investors and have not received this report under any express or implied understanding that they will direct commission income to Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. or its affiliates. Pursuant to Rule 15a-6(a)(3), any US recipient of this document wishing to effect a transaction in any securities discussed herein should contact and place orders with Shinhan Investment America, Inc., which accepts responsibility for the contents of this report in the US. The securities described herein may not have been registered under the US Securities Act of 1933, as amended, and, in such case, may not be offered or sold in the US or to US persons unless they have been registered or are in compliance with an exemption from registration requirements.
- ◆ All Other Jurisdictions: Customers in all other countries who wish to effect a transaction in any securities referenced in this report should contact Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. or its affiliates only if distribution to or use by such customer of this report would not violate applicable laws and regulations and not subject Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. and its affiliates to any registration or licensing requirement within such jurisdiction.



Shinhan Investment Network

SEOUL

Shinhan Investment Corp.
Shinhan Investment Tower
23-2, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

Hong Kong

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

Indonesia

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

Shanghai

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

Ho Chi Minh

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

Ha Noi

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000